

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

MST: 3 9 0 0 2 4 4 2 0 5

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Văn Công Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên
Ông Phạm Minh Nghĩa	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Bành Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Văn Công Phong	Giám đốc
Ông Phạm Minh Nghĩa	Phó giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Hoàng	Phó giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trường Duy	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồ Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

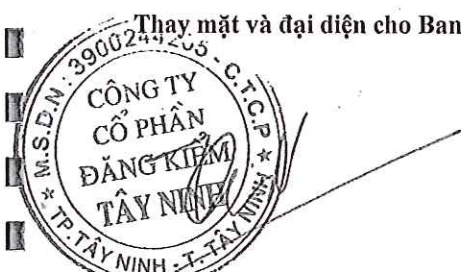
29091
CÔNG
H NHIỆ
KIỂM T
ĐK
T
4-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 19, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Văn Công Phong
Giám đốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2019.
Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

33.
TY
HỮU
DÂN
(
VA)
HC

Số: 412/2018/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 1 năm 2019, từ trang 04 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Đức Thắng
Phó Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3208-2015-042-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2019.

Trịnh Hồng Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2792-2015-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.998.746.578	21.539.201.705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.036.509.434	19.390.348.678
Tiền	111		9.036.509.434	8.390.348.678
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		730.711.039	639.885.763
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	673.009.584	571.133.165
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	57.701.455	68.752.598
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.231.526.105	1.268.185.626
Hàng tồn kho	141		1.231.526.105	1.268.185.626
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	240.781.638
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	240.781.638
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.225.899.527	37.641.264.558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.343.302.329	1.039.145.347
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.343.302.329	1.039.145.347
II. Tài sản cố định	220		34.634.181.833	31.332.059.788
Tài sản cố định hữu hình	221	11	34.629.181.833	31.319.459.788
- Nguyên giá	222		55.084.449.873	48.451.868.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.455.268.040)	(17.132.408.482)
Tài sản cố định vô hình	227	12	5.000.000	12.600.000
- Nguyên giá	228		79.600.000	79.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.600.000)	(67.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		99.256.864	4.335.659.747
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	99.256.864	4.335.659.747
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	200.000.000	200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		949.158.501	734.399.676
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	937.191.821	722.432.996
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.966.680	11.966.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.224.646.105	59.180.466.263



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	2.774.382.434	3.403.419.232
I. Nợ ngắn hạn	310	2.774.382.434	3.403.419.232
Phải trả người bán ngắn hạn	311 15	369.708.776	482.079.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 16	106.161.600	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 17	157.127.818	306.215.751
Phải trả người lao động	314	877.795.245	1.138.512.303
Phải trả ngắn hạn khác	319 18	113.618.031	440.871.601
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.149.970.964	1.035.740.023
II. Nợ dài hạn	330	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	55.450.263.671	55.777.047.031
I. Vốn chủ sở hữu	410 19	55.450.263.671	55.777.047.031
Vốn góp của chủ sở hữu	411	50.140.000.000	50.140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	50.140.000.000	50.140.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	122.298.181	122.298.181
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.142.345.874	1.142.345.874
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.045.619.616	4.372.402.976
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	4.372.402.976
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.045.619.616	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	58.224.646.105	59.180.466.263

Nguyễn Trường Duy
Người lập biểu

Bành Thanh Hương
Kế toán trưởng



Văn Công Phong
Giám đốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2019.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	35.358.968.401	38.634.280.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.358.968.401	38.634.280.618
4. Giá vốn hàng bán	11	21	8.901.159.193	12.128.709.206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.457.809.208	26.505.571.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	465.095.535	536.660.250
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	7.530.264.029	7.934.614.982
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	13.031.087.720	11.871.069.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.361.552.994	7.236.547.671
11. Thu nhập khác	31	25	257.927.273	-
12. Chi phí khác	32	26	-	126.828.515
13. Lợi nhuận khác	40		257.927.273	(126.828.515)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.619.480.267	7.109.719.156
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.326.521.002	1.550.290.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(11.966.680)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.292.959.265	5.571.395.211
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	806,86	872,04
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Nguyễn Trường Duy
Người lập biểu

Bành Thanh Hương
Kế toán trưởng



Văn Công Phong
Giám đốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2019.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.393.740.618	7.109.719.156
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.330.459.558	3.037.171.152
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(465.095.535)	(536.660.250)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.259.104.641	9.610.230.058
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(154.200.620)	4.475.179.247
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		36.659.521	968.383.236
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(504.665.848)	(1.499.753.683)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(214.758.825)	520.655.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.450.891.952)	(1.946.420.413)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	748.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(21.600.000)	(1.753.725.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.949.646.917	11.123.048.215
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.396.178.720)	(4.738.990.546)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		465.095.535	536.660.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.931.083.185)	(4.402.330.296)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.372.402.976)	(4.138.527.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.372.402.976)	(4.138.527.983)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(353.839.244)	2.582.189.936
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.390.348.678	16.808.158.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	19.036.509.434	19.390.348.678



Nguyễn Trường Duy
Người lập biểu



Bành Thanh Hương
Kế toán trưởng



Văn Công Phong
Giám đốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244205 ngày 03/12/2008 và chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 (gần nhất) vào ngày 08/09/2017, do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Hình thức hoạt động: Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Lĩnh vực kinh doanh**Dịch vụ****Ngành nghề kinh doanh**

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ, các phương tiện thủy nội địa. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).

- Bán buôn và làm đại lý ô tô, các xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo phương tiện giao thông đường bộ.
- Bán máy móc, phụ tùng ô tô, phụ tùng xe cơ giới, thiết bị thi công cơ giới.
- Đóng mới phương tiện giao thông đường bộ và xe cơ giới.
- Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ.
- Đại lý bảo hiểm mô tô, tàu thủy và phương tiện vận tải khác.

2. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh kéo dài trên 12 tháng.

Thông tin chi nhánh của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 1
Số 82, đường Trần Phú, khu phố Linh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô - Cơ sở 1
Số 82, đường Trần Phú, khu phố Linh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Kiểm định số 2
Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô - Cơ sở 2
Đường tránh Xuyên Á, ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 3
Đường 793, ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (ký hiệu "VND") là đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo văn phòng, chi phí mua bảo hiểm và chi phí khác.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của Công ty ngoại trừ phần đóng góp thêm của các chủ sở hữu. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Các loại doanh thu của Công ty gồm:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty, gồm: tiền lãi (lãi tiền gửi ngân hàng); lãi tỷ giá hối đoái; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	332.903.200	384.875.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn [1]	8.703.606.234	8.005.473.278
Các khoản tương đương tiền [2]	10.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	19.036.509.434	19.390.348.678

[1] Tiền gửi ngân hàng gồm:

+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	3.318.784.619	3.407.952.486
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.384.821.615	2.686.522.791
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	1.910.998.001

[2] Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, bao gồm:

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - kỳ hạn 1 tháng	-	1.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
- Cục Đăng kiểm Việt Nam	309.616.500	282.984.000
- Công ty Bảo Việt Tây Ninh	114.668.000	880.000
- Công Ty Bảo Hiểm PJICO Tây Ninh	92.928.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	155.797.084	287.269.165
Cộng	673.009.584	571.133.165
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Giá trị thuần	673.009.584	571.133.165

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
- Lãi tiền gửi ngân hàng	29.500.000	31.000.000
- Thuế VAT đầu vào	28.201.455	37.752.598
Cộng	57.701.455	68.752.598

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Hàng hóa	1.231.526.105	-	1.268.185.626	-
Cộng	1.231.526.105	-	1.268.185.626	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ dụng cụ xuất dùng	937.191.821	722.432.996
Cộng	937.191.821	722.432.996

10. PHẢI THU NGẮN DÀI KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
- Ký quỹ ký cược	-	592.815.000
- Phải thu khác	1.343.302.329	446.330.347
+ Thuế đất Trảng Bàng	392.984.888	446.330.347
+ Thuế đất Tân Châu	950.317.441	-
Cộng	1.343.302.329	1.039.145.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	34.812.793.226	12.482.472.993	831.320.234	325.281.817	48.451.868.270
Mua sắm mới		1.879.375.102	-	77.968.000	1.957.343.102
Đầu tư XDCB	4.675.238.501	-	-	-	4.675.238.501
Điều chỉnh phân loại lại tài sản	(200)	52.924.745	-	(52.924.545)	-
Số dư cuối năm	39.488.031.527	14.414.772.840	831.320.234	350.325.272	55.084.449.873
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.210.300.145	7.039.299.377	557.527.143	325.281.817	17.132.408.482
Trích khấu hao trong năm	1.955.157.080	1.291.934.478	49.780.000	25.988.000	3.322.859.558
Điều chỉnh phân loại lại tài sản	-	52.924.545	-	(52.924.545)	-
Số dư cuối năm	11.165.457.225	8.384.158.400	607.307.143	298.345.272	20.455.268.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	25.602.493.081	5.443.173.616	273.793.091	-	31.319.459.788
Tại ngày cuối năm	28.322.574.302	6.030.614.440	224.013.091	51.980.000	34.629.181.833

Nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm do thành lập Trạm kiểm định Tân Châu bao gồm:

Nhà cửa vật kiến trúc tại Trạm kiểm định Tân Châu

	Nguyên giá
Công trình Công-Hàng rào 70-03D	504.380.227
Nhà xưởng kiểm định 70-03D	2.015.998.545
San lấp mặt bằng, đường nội bộ 70-03D	2.092.547.727
Nhà vệ sinh trạm 7003D	30.478.538
Tháp nước trạm 7003D	31.833.464
	4.675.238.501

Máy móc, thiết bị tại Trạm Kiểm định Tân Châu

	Nguyên giá
Đường điện 3 Pha NRTA 3 70-03D	263.583.102
Thiết bị thử phanh và trượt ngang 70-03D	621.315.000
Máy đo độ lệch đèn pha ô tô	148.000.000
Máy đo và phân tích khí xả động cơ xăng	212.000.000
Máy đo kiểm tra độ khói động cơ Diesel	210.000.000
Máy hỗ trợ kiểm tra gầm xe tải 18 tấn	287.377.000
Máy đo độ ồn	88.700.000
	1.830.975.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm		79.600.000	79.600.000
Mua sắm mới			-
Số dư cuối năm	-	79.600.000	79.600.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		67.000.000	67.000.000
Trích khấu hao trong năm		7.600.000	7.600.000
Số dư cuối năm	-	74.600.000	74.600.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	12.600.000	12.600.000
Tại ngày cuối năm	-	5.000.000	5.000.000

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
- Mua sắm thiết bị đăng kiểm cho trung tâm 70-03D	-	862.065.600
- Quyền sử dụng đất cho TTĐK 70-03D	-	977.850.000
- Xây dựng nhà xưởng TTĐK 70-03D	-	487.791.000
- Dự án đường nội bộ, mương thoát nước-7003D	99.256.864	1.275.411.000
- Xây dựng đường điện cho TTĐK 70-03D	-	468.959.045
- Xây dựng cơ bản xưởng sửa chữa Trảng Bàng	-	263.583.102
	99.256.864	4.335.659.747

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Trái phiếu ViettinBank	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

* Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2017, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm, lãi suất thả nổi và được trả lãi định kỳ mỗi năm 1 lần

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Ô tô Trường Hải	59.370.250	59.370.250	21.937.876	21.937.876
- Công ty ASC	39.490.000	39.490.000	20.625.000	20.625.000
- Công ty TNHH TM DV ĐT&PT Việt Long	69.465.000	69.465.000	43.736.000	43.736.000
- Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	201.383.526	-	395.780.678	-
Cộng	369.708.776	168.325.250	482.079.554	86.298.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
- Công ty Cao su Liên Anh	106.161.600	-
Cộng	106.161.600	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**(a) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2018
Thuế GTGT đầu ra	103.600.190	1.701.497.709	1.729.560.792	75.537.107
Thuế TNDN	190.891.952	1.326.521.002	1.450.891.952	66.521.002
Thuế TNCN	3.673.609	136.943.951	136.347.851	4.269.709
Thuế khác	8.050.000	3.966.110.000	3.963.360.000	10.800.000
Cộng	306.215.751	7.131.072.662	7.280.160.595	157.127.818

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	01/01/2018	Số phát sinh phải thu	Số đã thu trong năm	31/12/2018
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	240.781.638	50.645.943	291.427.581	-
Cộng	240.781.638	50.645.943	291.427.581	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
- Bảo hiểm xã hội	-	27.431.800
- Nhận ký quỹ cho thuê Kiot	15.900.000	-
- Các khoản thu hộ công ty bảo hiểm	97.718.031	413.439.801
Cộng	113.618.031	440.871.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/12/2017					
Số dư đầu năm	50.140.000.000	122.298.181	1.142.345.874	4.138.527.983	55.543.172.038
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.571.395.211	5.571.395.211
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.138.527.983)	(4.138.527.983)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.171.792.235)	(1.171.792.235)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(27.200.000)	(27.200.000)
Số dư cuối năm	50.140.000.000	122.298.181	1.142.345.874	4.372.402.976	55.777.047.031
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 31/12/2018					
Số dư đầu năm	50.140.000.000	122.298.181	1.142.345.874	4.372.402.976	55.777.047.031
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.292.959.265	5.292.959.265
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.372.402.976)	(4.372.402.976)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.225.739.649)	(1.225.739.649)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(21.600.000)	(21.600.000)
Số dư cuối năm	50.140.000.000	122.298.181	1.142.345.874	4.045.619.616	55.450.263.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2018	01/01/2018
- Vốn đầu tư của nhà nước (Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)	49,00%	24.568.600.000	24.568.600.000
- Vốn góp của cổ đông khác	51,00%	25.571.400.000	25.571.400.000
Cộng	100%	50.140.000.000	50.140.000.000

(c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.140.000.000	50.140.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.140.000.000	50.140.000.000
Chia lợi nhuận cho chủ đầu tư	4.372.402.976	4.138.527.983

(d) Cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.014.000	5.014.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.014.000	5.014.000

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa	17.333.431.462	5.541.619.046
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.025.536.939	33.092.661.572
Cộng	35.358.968.401	38.634.280.618

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán hàng hóa	2.782.597.403	5.397.405.975
Giá vốn bán dịch vụ	6.118.561.790	6.731.303.231
Cộng	8.901.159.193	12.128.709.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	465.095.535	536.660.250
Cộng	<u>465.095.535</u>	<u>536.660.250</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên	4.657.947.438	5.175.478.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.207.228.186	1.234.101.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.752.907	1.075.259.149
Các khoản chi phí khác	613.335.498	449.776.565
Cộng	<u>7.530.264.029</u>	<u>7.934.614.982</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	8.165.867.022	7.352.001.471
Chi phí vật liệu quản lý	1.310.672.301	518.581.962
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.123.231.372	1.803.069.902
Thuế, phí và lệ phí	193.309.540	370.464.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.548.950	1.364.892.759
Các khoản chi phí khác	449.458.535	462.058.759
Cộng	<u>13.031.087.720</u>	<u>11.871.069.009</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	257.927.273	-
Cộng	<u>257.927.273</u>	<u>-</u>

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
Phạt nộp bổ sung thuế GTGT theo biên bản kiểm tra thuế	-	33.942.763
Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo biên bản kiểm tra thu	-	25.430.992
Phạt chậm nộp thuế GTGT, TNDN theo biên bản thanh tra thuế	-	67.454.760
Cộng	<u>-</u>	<u>126.828.515</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	12.823.814.460	12.527.479.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.330.459.558	3.037.171.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.840.301.857	2.440.151.908
Chi phí khác bằng tiền	2.566.775.874	1.800.881.442
Cộng	20.561.351.749	19.805.683.991

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận trước thuế	6.619.480.267	7.109.719.156
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng:		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	13.124.743	-
Thu nhập chịu thuế	6.632.605.010	7.109.719.156
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	6.632.605.010	7.109.719.156
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.326.521.002	1.550.290.625

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế	5.292.959.265	5.571.395.211
Các khoản điều chỉnh	(1.247.339.649)	(1.198.992.235)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(1.225.739.649)	(1.171.792.235)
- Chi thù lao HĐQT	(21.600.000)	(27.200.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.045.619.616	4.372.402.976
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.014.000	5.014.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	806,86	872,04

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2018 cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh.

Nguyễn Trường Duy
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 1 năm 2019.

Bành Thanh Hương
Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC BẢNG SƠ ĐỒ VỚI BẢNG CHÍNH
Số chứng thực: ngày lập: 20/01/2019
Ngày: 20 tháng 01 năm 2019

Văn Công Phong
Giám đốc



